

CÂN ĐỐI TỔNG HỢP DỰ TOÁN NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2022

(Dự toán đã được kỳ họp thứ IV - HĐND xã khóa XXV quyết định)

Đơn vị: 1.000 đồng

Nội dung thu	Dự toán	Nội dung chi	Dự toán
Tổng số thu	4,908,000	Tổng số chi	4,908,000
I. Các khoản thu xã hưởng 100%	52,000	I. Chi đầu tư phát triển	
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ	320,000	II. Chi thường xuyên	4,908,000
		Trong đó: Tiết kiệm chi TX	65,400
III. Thu bổ sung	4,536,000		
- Bổ sung cân đối ngân sách	4,536,000		
- Bổ sung có mục tiêu			
IV. Thu chuyển nguồn		III. Dự phòng	

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2023

(Dự toán đã được kỳ họp thứ IV- HĐND xã khóa XXV quyết định)

Đơn vị: 1.000 đồng

	Nội dung	Dự toán năm 2023	
		Thu NSNN	Thu NSX
A	B	3	4
	TỔNG THU	4,908,000	4,908,000
I	Các khoản thu 100%	52,000	52,000
	Phí, lệ phí	18,000	18,000
	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	14,000	14,000
	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp		
	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định		
	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định		
	Đóng góp của nhân dân theo quy định		
	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân		
	Thu khác	20,000	20,000
II	II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	320,000	320,000
1	Các khoản thu phân chia	72,000	72,000
	- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	15,000	15,000
	- Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình		
	- Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	7,000	7,000
	- Lệ phí trước bạ đất	50,000	50,000
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	248,000	248,000
	- Thu tiền sử dụng đất		
	- Thuế giá trị gia tăng 80%	176,000	176,000
	- Thuế TNCN: 80%	72,000	72,000
III	III. Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)		
IV	IV. Thu chuyển nguồn		
V	V. Thu kết dư ngân sách năm trước		
VI	VI. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	4,536,000	4,536,000
	- Bổ sung cân đối ngân sách	4,536,000	4,536,000
	- Bổ sung có mục tiêu		

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2023

(Dự toán đã được kỳ họp thứ IV - HĐND xã khóa XXV quyết định)

Đơn vị: 1.000 đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2023		
		Tổng số	ĐTPT	TX
A	B	1= 2+3	2	3
	TỔNG CHI	4,908,000	0	4,908,000
	1. Chi cho công tác dân quân tự vệ, trật tự an toàn xã hội	473,420		473,420
	2. Chi Sự nghiệp giáo dục	16,500		16,500
	3. Chi Sự nghiệp ứng dụng, chuyển giao công nghệ			
	4. Chi Sự nghiệp y tế	16,500		16,500
	5. Chi Sự nghiệp văn hóa, thông tin	27,000		27,000
	6. Chi Sự nghiệp phát thanh, truyền thanh	24,100		24,100
	7. Chi Sự nghiệp Sự nghiệp thể dục, thể thao	26,700		26,700
	8. Chi Sự nghiệp môi trường	58,000		58,000
	9. Chi các hoạt động kinh tế	43,200		43,200
	10. Chi quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	3,992,492		3,992,492
	11. Chi cho công tác xã hội	230,088		230,088
	12. Chi khác	0		
	13. Dự phòng			

KẾ HOẠCH THU, CHI CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH KHÁC NĂM 2023

(Dự toán đã được kỳ họp thứ IV - HĐND xã khóa XXV quyết định)

Đơn vị: 1.000 đồng

Nội dung	Ước thực hiện năm 2022			Kế hoạch năm 2023		
	Thu	Chi	Chênh lệch (+) (-)	Thu	Chi	Chênh lệch (+) (-)
1	2	3	4	5	6	7
Tổng số	71,351	70,351	1,000	86,340	86,340	0
1. Các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách	71,351	70,351	1,000	86,340	86,340	0
- Thu trạm phát sóng Viettel (2,5 tr/01 tháng x 12 tháng)	32,693.8	31,693.8	1,000	31,000	31,000	0
- Thu hỗ trợ tiền điện hộ nghèo, hộ BTXH sử dụng lượng điện dưới 50kw/ tháng quý (I+II+III+IV)/2022	37,339.6	37,339.6	0	37,339.6	37,339.6	0
- Thu trạm phát sóng (BTS) (1,5 tr/01 tháng x 12 tháng)				18,000.0	18,000.0	0
Thu hỗ trợ tiền công thu quỹ PCTT	1,317.7	1,317.7	0			
2. Các hoạt động sự nghiệp						
+ Chợ						
+ Bến bãi						
+						
.....						

Ghi chú: Chênh lệch (+) thu lớn hơn chi

Chênh lệch (-) thu nhỏ hơn chi